

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HSST

Ngày: 28 - 7 - 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thanh Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quang Hồng.
2. Bà Trần Thị Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu chính trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ và điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam B, Trại tạm giam số 1, Công an thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

**TRẦN THỊ K (Tên gọi khác: Không)**, sinh ngày 01/01/1989. Tại: Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Số A ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị B; Không có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2026 đến nay tại Phân trại tạm giam B, Trại tạm giam số 1, Công an thành phố C. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

\* Bị hại: Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1964. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số C N, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị K thường xuyên đến tiệm tạp hóa của ông Nguyễn Trọng N tại địa chỉ số C N, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là khu V, phường T, thành phố Cần Thơ) để mua hàng, K nhìn thấy cửa rào của tiệm tạp hóa có khoảng trống nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của ông N. Khoảng 00 giờ ngày 28/7/2020, K đến tiệm tạp hóa của ông N, trèo qua khoảng trống phía trên cửa rào đột nhập vào bên trong tiệm, đi đến kéo ngăn tủ để tiền của ông N, lấy trộm 03 cọc tiền Việt Nam đồng bao gồm các mệnh giá khác nhau, với tổng số tiền là 2.500.000 đồng và 04 thẻ nạp tiền điện thoại mệnh giá 50.000 đồng, 02 thẻ nạp tiền điện thoại mệnh giá 100.000 đồng. Tổng tài sản K lấy trộm của ông N là 2.900.000 đồng. Đến sáng ngày 28/7/2020, ông N phát hiện bị mất số tiền 2.500.000 đồng gồm nhiều mệnh giá khác nhau và nhiều thẻ nạp tiền điện thoại Mobifone giá trị khoảng 400.000 đồng gồm các thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng và 100.000 đồng nên đến Công an phường trình báo.

Quá trình điều tra Trần Thị Kiều bỏ trốn, ngày 09/8/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B đã ra Quyết định truy nã đối với Trần Thị Kiều. Đến ngày 14/4/2026, Trần Thị K bị bắt theo Quyết định truy nã.

Về trách nhiệm dân sự: Ông N yêu cầu được nhận lại tài sản bị mất và xử lý vụ việc theo quy định pháp luật. Hiện Trần Thị Kiều chưa khắc phục số tiền đã lấy trộm cho ông N.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSKV2 ngày 01 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ đã truy tố Trần Thị K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị K theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 173 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Thị K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho ông N số tiền 2.900.000 đồng.

- Bị cáo Trần Thị K thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại ông Nguyễn Trọng N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*); về trách nhiệm hình sự, ông N yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về tổ tụng hình sự:** Các quyết định tổ tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tổ tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tổ tụng của Viện kiểm sát và hành vi tổ tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

**[2]. Về căn cứ buộc tội:** Lời khai nhận của bị cáo Trần Thị K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh:

Vào khoảng 00 giờ ngày 28/7/2020, bị cáo Trần Thị K đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản tại tiệm tạp hóa của ông Nguyễn Trọng N gồm số tiền 2.500.000 đồng và 06 thẻ nạp tiền điện thoại trị giá 400.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 2.900.000 đồng.

Với mức định lượng này, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

**[3]. Về tính chất hành vi phạm tội:** Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

**[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động, muốn được hưởng lợi nhanh chóng nên bị cáo đã thực hiện hành phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**[5]. Về trách nhiệm dân sự:** Ông N có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.900.000 đồng, bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[6]. Về xử lý vật chứng:** Không có.

**[7]. Về án phí sơ thẩm:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 Bộ luật hình sự;

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Thị K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

**Xử phạt:** Trần Thị K (Tên gọi khác: Không có) 01 (Một) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 14/4/2026.

\* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trần Thị Kiều T cho ông Nguyễn Trọng N số tiền 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

\* **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thị K phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí sơ thẩm bị cáo phải nộp là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 2 - Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trần Thanh Thế**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Hồng**

**Trần Thị Thu**

**Bùi Trần Thanh Thế**